

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO 1
23/01/2024

THÔNG TƯ

Ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 được Quốc hội XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 ngày 20 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày / /2024 của Chính phủ quy định về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày .../.../2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28/10/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đăng ký kinh doanh;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về biểu mẫu áp dụng trong đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cả nước; nguyên tắc, cách thức cập nhật, sử dụng, khai thác dữ liệu, thông tin của Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này được thực hiện theo Điều 2 của Luật Hợp tác xã năm 2023.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã* là tập hợp phần cứng, phần mềm và cơ sở dữ liệu được thiết lập phục vụ mục đích tạo, lập, cung cấp, truyền đưa, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường mạng, được xây dựng, triển khai thống nhất trên phạm vi cả nước.

2. *Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã* là tập hợp các trang thông tin điện tử được tổ chức thống nhất, được sử dụng để cung cấp thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các thông tin liên quan; cung cấp các dịch vụ trực tuyến đăng ký thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể, phá sản và hoạt động để tổ chức, cá nhân thực hiện các thủ tục có liên quan của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; cung cấp thông tin tổng hợp phục vụ chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các đối tượng liên quan.

3. *Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã* bao gồm Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương là tập hợp thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật, chỉ đạo, điều hành, thủ tục hành chính, quá trình, kết quả giải quyết các thủ tục liên quan đến tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên mạng; được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử.

4. *Quản lý cơ sở dữ liệu* là việc quản trị, vận hành, xác thực dữ liệu điện tử; xây dựng, cập nhật, sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác cơ sở dữ liệu của Hợp tác xã.

5. *Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương* (sau đây viết tắt là Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu) là cơ quan có thẩm quyền quản lý Cơ sở dữ liệu về Hợp tác xã hoặc theo phân cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu, quản lý tài khoản người dùng, xác nhận, phê duyệt sửa đổi nội dung, thay đổi trạng thái, khai thác Cơ sở dữ liệu trong các cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

6. *Tài khoản cơ quan* là thông tin bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu để cơ quan đăng nhập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia được giao cho người đứng đầu cơ quan khai thác dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cơ quan.

7. *Nhập liệu* là việc các tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sử dụng tài khoản được cấp thực hiện công tác nhập thông tin vào Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

8. *Khai thác cơ sở dữ liệu* là việc thực hiện các chức năng tra cứu, tìm kiếm, xem thông tin hoặc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê, báo cáo, xuất, in các kết quả trên Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

9. *Phê duyệt dữ liệu* là thực hiện xác thực thông tin, dữ liệu bằng ký số trên Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Công tác xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương là trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bộ, ngành, địa phương, cán bộ, công chức, viên chức; được thực hiện thống nhất, đồng bộ, khoa học, phản ánh đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; bảo đảm sự thống nhất trong chỉ đạo, điều hành; tập trung tối đa nguồn lực, rút ngắn thời gian trong việc thu thập, chỉnh sửa, cập nhật thông tin dữ liệu trong các cơ quan nhà nước.

2. Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương được lưu trữ, bảo mật, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo quy định của pháp luật. Việc xây dựng, quản lý, sử dụng, khai thác tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật có liên quan và phù hợp với Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam; quy định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước; các quy định về bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Cơ sở dữ liệu của hợp tác xã phải bảo đảm tính cập nhật, chính xác theo quy định của pháp luật; được quản lý theo độ hạn chế tiếp cận, mã hóa một số trường thông tin để bảo đảm bảo mật, an toàn thông tin trong công tác quản lý.

4. Người được cơ quan có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu về hợp tác xã đồng ý bằng văn bản mới được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật, trừ thông tin của cá nhân người đó hoặc pháp luật có quy định khác.

5. Không cung cấp thông tin qua hình thức văn bản đối với thông tin đã được khai thác qua hình thức kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin. Không yêu cầu khai báo lại các thông tin, dữ liệu đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia hoặc trong Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, trừ trường hợp phục vụ cập nhật hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

Chương II

CẬP NHẬT, KHAI THÁC, QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU, THÔNG TIN VỀ HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ, TỔ HỢP TÁC

Điều 4. Tạo lập, cập nhật dữ liệu

1. Chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương

a) Đối với hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã): Thống nhất sử dụng mẫu cập nhật tại Phụ lục V-1 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu được thực hiện sau khi Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng.

b) Đối với Liên hiệp hợp tác xã: Thống nhất sử dụng mẫu cập nhật tại Phụ lục V-2 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu được thực hiện sau khi Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng.

c) Đối với Tổ hợp tác: Thống nhất sử dụng mẫu cập nhật tại Phụ lục V-3 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu được thực hiện sau khi Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng.

d) Đối với dữ liệu về quản lý kinh tế tập thể, hợp tác xã: Thống nhất sử dụng mẫu cập nhật tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này để chuẩn hóa thông tin đầu vào, quản lý thông tin, dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Việc tạo lập, cập nhật dữ liệu được thực hiện sau khi Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã được chính thức đưa vào khai thác, sử dụng.

2. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tạo lập tài khoản và thực hiện giao nhiệm vụ bằng văn bản cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động để cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nhập liệu vào Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

3. Cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có trách nhiệm truy cập vào tài khoản đã được cấp để nhập thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác theo từng ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương vào Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; thông tin phải đầy đủ, thống nhất định dạng kỹ thuật, phản ánh đầy đủ, chính xác theo mẫu đã được cấp có thẩm quyền quản lý xác nhận hoặc định dạng sẵn có trên Hệ thống thông tin quốc gia.

4. Đối với việc cập nhật thông tin, dữ liệu có thay đổi, hiệu chỉnh thì cá nhân có trách nhiệm cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương kèm theo bản số hóa của tài liệu đã được cấp có thẩm quyền xác nhận.

5. Người đứng đầu bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc cập nhật dữ liệu thuộc thẩm quyền quản lý từ Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương lên Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu quy định tại khoản 2 Điều 12 (kết nối chia sẻ dữ liệu) Thông tư này; phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt bằng ký số dữ liệu được cập nhật theo quy định tại khoản 1 Điều 9 (phê duyệt dữ liệu) Thông tư này.

Điều 5. Chế độ cập nhật thông tin về tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

1. Định kỳ trước ngày 15/01 hằng năm, hợp tác xã (bao gồm quỹ tín dụng nhân dân, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã) cập nhật thông tin về tình hình hoạt động đến thời điểm 31/12 của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-1, liên hiệp hợp tác xã cập nhật thông tin về tình hình hoạt động đến thời điểm 31/12 của năm

trước theo biểu tại Phụ lục V-2, tổ hợp tác cập nhật thông tin về tình hình hoạt động đến thời điểm 31/12 của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-3.

Nội dung thông tin yêu cầu trung thực, đầy đủ, chính xác bằng văn bản hoặc bằng dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (sau khi có hệ thống).

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác gửi thông tin cập nhật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện; quỹ tín dụng nhân dân, quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã gửi thông tin cập nhật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Điều 6. Chế độ cập nhật thông tin cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp

1. Trường hợp chưa có Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã

Định kỳ trước ngày 15/02 của năm tiếp theo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Định kỳ trước ngày 15/3 của năm tiếp theo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin về quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

2. Trường hợp có Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã

Định kỳ trước ngày 30/01 của năm tiếp theo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cập nhật thông tin về quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này gửi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh.

Định kỳ trước ngày 15/02 của năm tiếp theo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cập nhật thông tin về quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã của năm trước theo biểu tại Phụ lục V-4 kèm theo Thông tư này gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 7. Khai thác cơ sở dữ liệu

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện quản lý, điều hành Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã, sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia để tổng hợp, phân tích các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về hợp tác xã, phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; kết nối, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia với các hệ thống thông tin khác phục vụ cơ quan nhà nước và khai thác thông tin theo quy định tại Thông tư này.

2. Bộ, ngành, địa phương được khai thác, sử dụng dữ liệu tổng hợp, phân tích chung, dữ liệu về hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia; các dữ liệu này được chia sẻ mặc định từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về

Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương mình để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành theo chức năng, nhiệm vụ.

3. Các tổ chức kinh tế tập thể được khai thác dữ liệu của hệ thống; được truy cập, nghiên cứu, sử dụng và khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương đối với các dữ liệu dùng chung và tuân thủ việc khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Dữ liệu về hợp tác xã tại Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương khi được xuất theo định dạng văn bản điện tử, được ký số bởi người có thẩm quyền và ký số của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật thì văn bản điện tử đó có giá trị pháp lý như bản gốc văn bản giấy.

Điều 8. Cách thức khai thác, sử dụng dữ liệu

Các bộ, ngành, địa phương khai thác, sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia bằng tài khoản do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp và truy cập thông qua Công thông tin thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã trong các cơ quan nhà nước tại địa chỉ (Website được lập - sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) hoặc sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên cơ sở bảo đảm an toàn thông tin theo quy định.

Điều 9. Phê duyệt dữ liệu

1. Trong vòng 05 ngày cuối từng tháng, người có thẩm quyền của bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm phê duyệt bằng ký số tại Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

2. Đối với Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, người đứng đầu bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm xây dựng quy chế phê duyệt dữ liệu bảo đảm phù hợp với quy định tại Thông tư này và việc phân cấp quản lý theo quy định.

Điều 10. Lưu trữ cơ sở dữ liệu

1. Dữ liệu về hợp tác xã được lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương theo phân cấp quản lý và được sao lưu định kỳ hàng tháng, tối thiểu ba tháng trên phương tiện lưu trữ chuyên dụng để dự phòng rủi ro.

2. Việc lưu trữ, sao lưu phải tuân thủ các quy định của Đảng, pháp luật về lưu trữ, bảo vệ bí mật nhà nước, cơ yếu, bảo vệ bí mật thông tin cá nhân, an toàn, an ninh thông tin.

Điều 11. Chuyển giao, tiếp nhận dữ liệu

1. Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đến cơ quan, đơn vị khác của Nhà nước mà không thuộc thẩm quyền quản lý dữ liệu về hợp tác xã của cơ quan đang công tác (gọi chung là thay đổi công tác) thì đồng thời với việc chuyển giao hồ sơ theo quy định, cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện hủy

quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu của cơ quan mình đối với cán bộ, công chức, viên chức đó và chuyên giao cho cán bộ phụ trách khác trong thời hạn thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày chuyển giao hồ sơ.

2. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiến hành chấm dứt hoạt động, giải thể thì phải bàn giao tài khoản trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia trước thời điểm bị xóa tên trên hệ thống đăng ký kinh doanh; dữ liệu của hợp tác xã được lưu trữ tại thư mục riêng trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương đến hết ngày 15/01 của năm tiếp theo.

Điều 12. Kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi Cơ sở dữ liệu quốc gia; ban hành các văn bản liên quan đến quy định kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu, gói tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia khác, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã trong các cơ quan nhà nước qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước) bảo đảm tuân thủ quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư cung cấp cho Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương cặp khóa để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và Cơ sở dữ liệu quốc gia.

4. Cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương thực hiện ký số phê duyệt dữ liệu trước khi đồng bộ dữ liệu của bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được giao thực hiện công tác quản lý Cơ sở dữ liệu về hợp tác xã của bộ, ngành, địa phương

1. Thông qua nghiệp vụ kỹ thuật, tổ chức việc bảo quản, lưu trữ cơ sở dữ liệu của cơ quan; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu của cơ quan mình và Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định pháp luật.

2. Cung cấp dữ liệu về hợp tác xã bảo đảm chính xác, kịp thời theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

3. Nghiên cứu, phát hiện các vấn đề chưa rõ hoặc mâu thuẫn trong cơ sở dữ liệu về hợp tác xã và những vấn đề nảy sinh trong quá trình quản lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quản lý cơ sở dữ liệu xem xét, xử lý.

4. Đôn đốc việc hoàn thiện đầy đủ các trường thông tin trong dữ liệu về hợp tác xã thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị mình.

5. Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ công tác quản lý cơ sở dữ liệu về hợp tác xã theo yêu cầu công việc.

6. Chịu trách nhiệm bảo đảm bí mật, an toàn thông tin của Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương. Không tiết lộ, cung cấp thông tin tài khoản cơ quan, đơn vị và tài khoản người dùng nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan, cấp có thẩm quyền về việc vi phạm các quy định về bảo đảm bí mật, an toàn thông tin.

7. Trường hợp vi phạm các quy định tại Thông tư này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị có tài khoản truy cập

1. Quản lý tài khoản được phân cấp; cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

2. Tổ chức thực hiện quản lý dữ liệu về hợp tác xã theo quy định tại Thông tư này và quy định của cấp có thẩm quyền. Chấp hành sự chỉ đạo, kiểm tra và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác quản lý dữ liệu về hợp tác xã của cơ quan cấp trên.

3. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý dữ liệu về hợp tác xã trong phạm vi quản lý. Tham mưu xem xét, xử lý vi phạm cơ quan, đơn vị, cá nhân không cập nhật dữ liệu, có sai phạm trong cập nhật dữ liệu và bảo quản cơ sở dữ liệu theo phân cấp quản lý.

Điều 15. Trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương

1. Xây dựng, nâng cấp cơ sở dữ liệu; cập nhật, kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương, Cơ sở dữ liệu quốc gia theo quy định tại Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, thẩm quyền.

2. Sử dụng mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương.

3. Quy định chi tiết nội dung quản lý, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương theo phân cấp thẩm quyền quản lý về hợp tác xã.

4. Chỉ đạo tổ chức cập nhật, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương phục vụ việc cập nhật, kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia.

5. Đảm bảo hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu ổn định, thông suốt, đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật, cấp độ an toàn thông tin theo quy định để kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương với Cơ sở dữ liệu quốc gia.

6. Quản lý hoặc phân cấp quản lý tài khoản người dùng, cấp, hạn chế, mở rộng hoặc hủy quyền truy cập vào Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương trong phạm vi quản lý trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

7. Đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định về an toàn, an ninh và bảo mật thông tin, dữ liệu về hợp tác xã và đáp ứng yêu cầu đổi mới, tăng cường quản lý về lĩnh vực kinh tế tập thể, hợp tác xã của Đảng, Nhà nước.

8. Có trách nhiệm về việc lưu trữ, sao lưu, phê duyệt thay đổi thông tin, dữ liệu về hợp tác xã thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý, vận hành Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương.

10. Hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý Cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương; xem xét, xử lý vi phạm của cơ quan, đơn vị và cá nhân không thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Thông tư này thay thế Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã; Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Trang điện tử Chính phủ, trang điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Công báo;
- Lưu: VT, QLĐKKD (10b).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng